

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
Địa chỉ: Số 103, Nguyễn Huệ, Phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
ĐT: 0275 3825727 Fax: 0275 3827781
Website: WWW.capnuocbentre.vn



Tài liệu

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Ngày 01 tháng 6 năm 2018

Số: CL /GM-HĐQT

Bến Tre, ngày 19 tháng 5 năm 2018

THƯ MỜI
Tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2018

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre trân trọng kính mời Quý vị cổ đông về tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

1. Thời gian: 7 giờ 30, ngày 01 tháng 6 năm 2018 (thứ sáu)

2. Địa điểm: Trung tâm Hội nghị tiệc cưới Đồng Khởi Palace

16 Hai Bà Trưng, Phường 2, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

3. Tài liệu Đại hội

Chương trình của Đại hội, Mẫu giấy ủy quyền tham dự Đại hội và tài liệu họp Đại hội được đăng tải trên Website www.capnuocbentre.vn

4. Thủ tục tham dự Đại Hội

Quý cổ đông đến tham dự đại hội hoặc người được ủy quyền đến tham dự vui lòng mang theo CMND/hộ chiếu, Giấy ủy quyền bản chính (trường hợp đã gửi bản fax hoặc e-mail) để đăng ký tham dự Đại hội.

Để công tác chuẩn bị đại hội được chu đáo, Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền dự Đại Hội và mọi ý kiến đóng góp cho đại hội, Quý cổ đông vui lòng gửi văn bản có ghi rõ nội dung, họ và tên cổ đông, số lượng, loại cổ phần nắm giữ và gửi cho Công ty trước **16g00 ngày 24/05/2018** theo đường Bưu điện, fax, hoặc e-mail để công ty tập hợp. Địa chỉ tiếp nhận và liên hệ:

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Địa chỉ: 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp.Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Điện thoại: (0275) 3 825727 Fax: (0275) 3 827781

Email: hongthamctn83@yahoo.com.vn

(Liên hệ: Bà Lê Thị Hồng Thắm; SĐT: 0911 26 11 99)

Trân trọng kính mời./.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu tài liệu ĐHCĐ

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM CHÍ VŨ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN (HOẶC ỦY QUYỀN)
Tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên
năm 2018 CTCP Cấp thoát nước Bến Tre

Tên cổ đông:

ĐKKD/CMND số:..... ngày cấp: nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Email:

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần của công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Căn cứ thư mời họp của Công ty, tôi / công ty chúng tôi xin xác nhận như sau (đồng ý hoặc ủy quyền)

- Đồng ý tham dự Đại hội
- Ủy quyền tham dự cho Ông/Bà có tên dưới đây:

Ông/Bà

ĐKKD/CMND số:..... ngày cấp: nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Email:

Thay mặt tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre để biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần đại diện.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thành lập của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre vào ngày 01/6/2018.

Trân trọng./.

Bến Tre, ngày 01 tháng 6 năm 2018
NGƯỜI XÁC NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH
Đại Hội cổ đông thường niên năm 2018
(7 giờ 30, Ngày 01 tháng 6 năm 2018)

THỜI GIAN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
7g15- 8g00	Đón tiếp và kiểm tra tư cách cổ đông - Đón tiếp cổ đông và Đại biểu. - Các cổ đông đăng ký, nhận tài liệu và thẻ biểu quyết	
8g00- 8g30	Khai mạc Đại hội. - Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự; - Chủ tọa thông qua đề cử các thành viên tham gia: Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu; - Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu; - Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; - Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội; - Thông qua chương trình Đại hội.	
8g30- 10g15	Nội dung đại hội - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018; - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; - Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018; - Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017; - Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch năm 2018; - Thông qua Tiền lương, thưởng và Thù lao Hội đồng	

	<p>quản trị và Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký và Thư ký năm 2017 và kế hoạch năm 2018;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018; - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty; - Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; - Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2017. 	
10g15-10g30	Nghỉ giải lao	
10g30- 10g45	<p>Thảo luận, giải đáp và biểu quyết thông qua</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội thảo luận về nội dung các tờ trình; - Chủ tọa đoàn trả lời các câu hỏi mà cổ đông quan tâm. <p>Đại hội biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình (tiến hành bỏ phiếu biểu quyết).</p>	
10g45- 11g00	<p>Tổng kết Đại hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Biên bản Đại hội. - Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. - Tuyên bố bế mạc Đại hội 	

Số: 02 /QC-ĐHCD

Bến Tre, ngày 01 tháng 6 năm 2018

QUY CHẾ LÀM VIỆC
Đại hội cổ đông thường niên năm 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Nhằm đảm bảo Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre năm 2018 diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

I. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

III. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHDCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

IV. NỘI DUNG QUY CHẾ:

1. Điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông

- Đại hội cổ đông Công ty được tiến hành khi có số đại biểu tham dự đại diện ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các đại biểu đại diện cho ít nhất 35% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai, và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng đại biểu tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội.

Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt đến hết ngày **10/5/2018** đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

3. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4. Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân ... theo yêu cầu của BTC Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần Đại biểu có thể đàm thoại bên ngoài hội trường làm việc.

- Tuân thủ các quy định của BTC, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc mời đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

5. Chủ tọa Đại hội

- Chủ tịch HĐQT sẽ là chủ tọa điều hành Đại hội. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của chủ tọa:

- Điều hành công việc của Đại hội theo chương trình, quy chế làm việc của Đại hội.
- Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội
- Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết.
- Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để Đại hội biểu quyết.
- Chủ tọa cử hai người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- Hướng dẫn các đại biểu thảo luận.
- Trình các nội dung và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
- Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.

6. Thư ký Đại hội

❖ Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của đại biểu.
 - Lập biên bản họp đại hội đồng cổ đông.
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- ❖ Chủ tọa và thư ký Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

7. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu gồm những đại biểu chính thức tham dự Đại hội và không có tên trong danh sách ứng cử viên (khi bầu cử) do Chủ tọa giới thiệu (không quá 06 người) để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết.

- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

+ Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.

+ Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử.

8. Phát biểu tại Đại hội

Đại biểu tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

9. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội

a. Các quy định chung

Mỗi đại biểu đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức phát trực tiếp:

- Một (01) “**Phiếu biểu quyết**” màu vàng có ghi tên cổ đông/ người đại diện; số cổ phần có quyền biểu quyết; mã số biểu quyết; có đóng dấu treo Công ty trên góc trái. Phiếu này dùng để thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu, Biên bản và Nghị Quyết Đại hội.

- Một (01) “**Phiếu biểu quyết**” màu xanh có ghi mã biểu quyết; có đóng dấu treo Công ty trên góc trái. Phiếu này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội (cách ghi theo hướng dẫn bên dưới phiếu).

b. Cách thức biểu quyết:

Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự sau:

- Tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- Không tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- Không có ý kiến với nội dung vừa được đề trình.

Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, đại biểu tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung bằng một trong hai hình thức sau:

- Đại biểu biểu quyết bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết màu vàng: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết, đại biểu giơ cao Phiếu biểu quyết, mặt trước Phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu

ghi nhận số phiếu biểu quyết của từng đại biểu đồng ý, không đồng ý. Phiếu này dùng để thông qua các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội trừ các Báo cáo và Tờ trình.

- Đại biểu biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết màu xanh: Đối với từng nội dung, đại biểu lựa chọn 01 trong 03 phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” bằng cách đánh dấu “X” vào ô tương ứng được in sẵn trong phiếu biểu quyết. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, Đại biểu ký và ghi rõ họ tên, sau đó gửi phiếu biểu quyết về thùng phiếu đã được niêm phong tại Đại hội. Phiếu này dùng để thông qua các Báo cáo và Tờ trình Đại hội.

c. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, phải có chữ ký và họ tên đầy đủ được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** là phiếu biểu quyết có ghi thêm các nội dung khác, phiếu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không có con dấu của công ty, hoặc phiếu có tẩy xóa, cạo sửa, không có chữ ký và họ tên đầy đủ của đại biểu. Khi đó, tất cả các nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

d. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) phiếu biểu quyết màu vàng và một (01) phiếu biểu quyết màu xanh.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (**ngày 10/5/2018**) tổng số cổ phần của Công ty là: 28.000.000 cổ phần tương đương với 28.000.000 quyền biểu quyết.

e. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm đếm, thu, ghi nhận việc thực hiện biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung; chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

f. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết

- Đối với quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty phải được số đại biểu đại diện ít nhất 65% tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp chấp thuận.

- Đối với các vấn đề còn lại, phải được số đại biểu đại diện ít nhất 51% tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp chấp thuận.

10. Biên bản và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

- Biên bản và nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được lưu giữ tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre và sẽ được đăng tải trên Website của Công ty.

V. THỰC HIỆN

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, đại biểu tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền:

+ Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

+ Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản Luật hiện hành của Nhà nước .


Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre sau khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre chịu trách nhiệm thi hành.\.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tài liệu ĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM CHÍ VŨ

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018**

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông!

Tôi xin thay mặt cho Hội đồng quản trị Công ty, báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng kế hoạch năm 2018 như sau:

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2017

Năm 2017, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre hoàn thành vượt mức so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã thông qua đầu năm với những chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu thực hiện 159.184 triệu đồng đạt 104,42% so với kế hoạch và tăng 32,37% so với cùng kỳ năm 2016;
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện 40.732 đạt 117,94% so với kế hoạch năm và tăng 86,24% so với năm 2016;
- Chi phí hoạt động và chi phí tài chính được kiểm soát dưới mức kế hoạch đề ra

Đây thực sự là thành quả đáng được ghi nhận, thể hiện sự nỗ lực hết sức mình của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị trong kỳ

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Cổ phần sở hữu		Cổ phần Đại diện sở hữu	
				Số lượng cổ phần	% vốn điều lệ	Số lượng cổ phần	% vốn điều lệ
01	Ông Phạm Chí Vũ	Chủ tịch HĐQT	20/11/2015	18.000	0,064	14.280.000	51
02	Bà Nguyễn Thị Diễm Phương	Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc	20/11/2015	35.800	0,128	3.640.000	13
03	Bà Hồ Thị Bích Hà	Thành viên HĐQT- Phó Tổng	20/11/2015	7.800	0,028	0	0

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Cổ phần sở hữu		Cổ phần Đại diện sở hữu	
				Số lượng cổ phần	% vốn điều lệ	Số lượng cổ phần	% vốn điều lệ
		Giám đốc					
04	Ông Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	20/11/2015	0	0	4.200.000	15
05	Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm chính thức ngày 20/11/2015; Miễn nhiệm ngày 14/2/2017			4.866.200	17,38
	Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm bổ sung ngày 21/3/2017; bổ nhiệm chính thức ngày 25/4/2016	0	0	4.866.200	17,38

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, tổ chức các cuộc họp, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành tổ chức thực hiện trong năm 2017 Cụ thể như sau:

Số TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày/ tháng	Nội dung
01	84/QĐ-CTN	03/01/2017	Quyết định về việc thành lập Phòng chống thất thoát nước Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
02	85/NQ-HĐQT	21/03/2017	Về việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị - Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Kim Phụng kể từ ngày 14/02/2017 - Bổ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với Ông Dương Tiến Dũng kể từ ngày 21/03/2017
03	86/NQ-CTN-HĐQT	21/3/2017	Về việc thay đổi thành viên Ban kiểm soát - Miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với bà Trần Thị Hồng Phương kể từ ngày 01/12/2017

Số TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày/ tháng	Nội dung
			- Bổ nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với bà Ngô Thị Hồng Vân kể từ ngày 21/03/2017
04	87/NQ-HĐQT	21/3/2017	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2016 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
05	88/NQ-HĐQT	18/4/2017	Về việc thông qua các nội dung và các tờ trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD Quý I/2017 và nhiệm vụ kế hoạch Quý II/2017. - Thông qua các nội dung, tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 sẽ tổ chức vào ngày 25/4/2017. Cụ thể <ul style="list-style-type: none"> + Tờ trình Báo cáo kết quả SXKD năm 2016 (13 tháng), kế hoạch SXKD năm 2017. + Tờ trình Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2016 (13 tháng), kế hoạch năm 2017. + Tờ trình Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2016 (13 tháng), kế hoạch năm 2017. + Tờ trình Báo cáo tài chính kiểm toán từ 01/12/2015 đến 31/12/2016. + Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2016 (13 tháng), kế hoạch năm 2017. + Tờ trình thù lao HĐQT và BKS Công ty năm 2016 và Kế hoạch năm 2017 + Tờ trình Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 + Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty lần thứ nhất + Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020 và thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2016-2018.
06	89/NQ-HĐQT	18/4/2017	- Thống nhất việc thông qua kế hoạch mua sắm và sửa chữa tài sản, vật tư năm 2017; - Thống nhất việc thông qua kế hoạch đầu tư và mua sắm tài sản cố định năm 2017 với Tổng giá trị dự kiến đầu tư là 83,348 tỷ.

Số TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày/ tháng	Nội dung
07	90/NQ-ĐHCĐ	25/4/2017	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
08	91/NQ-HĐQT	26/4/2017	Về chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017.
09	92/NQ-HĐQT	26/4/2017	Về việc thông qua phân phối lợi nhuận kế hoạch 2017.
10	93/NQ-HĐQT	29/4/2017	Về việc thông qua mức lương của người quản lý chuyên trách; thù lao của người quản lý không chuyên trách và thư ký Kế hoạch năm 2017.
11	94/NQ-HĐQT	29/4/2017	Về việc thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020.
12	95/NQ-HĐQT	29/4/2017	Về việc thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2018.
13	96/NQ-HĐQT	29/4/2017	Về việc trình sửa đổi Điều lệ Công ty lần thứ nhất
14	97/NQ-HĐQT	29/4/2017	Về việc khắc thêm 01 (một) con dấu Công ty
15	98/NQ-HĐQT	13/6/2017	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.
16	99/NQ-HĐQT	12/8/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD Quý II/2017 và nhiệm vụ kế hoạch Quý III/2017. - Thông qua báo cáo kiểm soát 06 tháng đầu năm 2017. - Thông qua các Chủ trương - Thông qua ban hành các Quy chế. <ul style="list-style-type: none"> + Quy chế làm việc của Công ty; + Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý; + Quy chế tuyển dụng lao động, bố trí công việc, điều động và cho thôi việc đối với người lao động.
17	100/NQ-HĐQT	14/8/2017	Về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý.

Số TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày/ tháng	Nội dung
18	101/NQ-HDQT	14/8/2017	Về việc ban hành Quy chế làm việc của Công ty
19	102/NQ-HDQT	14/8/2017	Về việc ban hành Quy chế tuyển dụng lao động, bố trí công việc, điều động và cho thôi việc đối với người lao động.
20	103/NQ-HDQT	15/11/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD Quý III/2017 và nhiệm vụ kế hoạch Quý IV/2017. - Thống nhất việc xử lý số tiền nợ ngân sách phải nộp khi cổ phần hóa <ul style="list-style-type: none"> + Phát hành cổ phiếu: 14.104.255.736 đồng + Đối với khoảng tiền ngân sách cấp từ nguồn viện trợ của Chính phủ Hà Lan, Công ty thực hiện theo phương án trả nợ nhà nước từ nguồn khấu hao và nguồn vốn hợp pháp khác 03 tỷ/ năm. - Thống nhất kế hoạch thoái vốn giai đoạn 2017-2020. - Thực hiện theo chủ trương của UBND tỉnh về việc phối hợp tiêu thụ nước sạch của Công ty N.I.D đầu tư Dự án Nhà máy Khu Công nghiệp Giao Long; - Thống nhất thanh lý tài sản Trạm Cấp nước Tân Thạch, giao Tổng Giám đốc thực hiện.

3. Các hoạt động của Hội đồng quản trị .

- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017;
- Triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2017;
- Phê duyệt bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty, ban hành Quy chế về việc tuyển dụng lao động, bố trí công việc, điều động và cho thôi việc; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý; Quy chế làm việc Công ty cổ phần Cấp thoát nước;
- Lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn Chuẩn việt là đơn vị soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Bewaco.
- Đưa ra các định hướng triển khai một cách cụ thể, khả thi và giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ phù hợp với quy định tại Điều lệ của Công ty, đảm bảo về số lượng cuộc họp, số thành viên tham dự để đáp ứng pháp lý và hiệu quả cuộc họp.

4. Kết quả hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty

Năm 2017, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị đánh giá cao kết quả hoạt động của Ban điều hành, ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm của Ban lãnh đạo đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Hàng quý, Ban điều hành đã báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư các dự án. Với việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng và kịp thời như vậy, Hội đồng quản trị luôn nắm rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và chỉ đạo cho Công ty hoạt động hiệu quả theo định hướng chiến lược đề ra.

- Ban điều hành thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định và thông báo của Hội đồng quản trị

- Thông qua các hồ sơ, dự thảo Quy chế lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản, HĐQT cũng thể hiện trách nhiệm trong việc tham gia giám sát và giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Giám sát, chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin kịp thời theo đúng quy định;

- Triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

3. Lương, thưởng, thù lao của các thành viên HĐQT và Ban quản lý điều hành năm 2017.

- Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT chuyên trách, Ban quản lý điều hành Công ty hưởng theo chế độ tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính Phủ về Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28 /2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Tiền lương, thưởng và thù lao năm 2017 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã được UBND tỉnh phê duyệt tại công văn số 1343/UBND-KT ngày 29/03/2017 được xác định cụ thể:

*** Tiền lương, thưởng và thù lao năm 2017**

STT	Chức vụ	Số lượng (người/năm)	Tiền lương, thưởng, thù lao			Tổng cộng (đồng/năm)
			Tiền lương (đồng/tháng)	Thù lao (đồng/tháng)	Tiền thưởng (đồng/năm)	
1	Người quản lý công ty chuyên trách (*)	06	164.359.424		246.539.136	2.218.852.226
2	Thành viên HĐQT	02		10.800.000		105.600.000
3	Thành viên Ban kiểm soát	02		9.600.000		115.200.000

(*)Người quản lý công ty chuyên trách gồm: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Trưởng Ban kiểm soát, 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 kế toán trưởng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018

1. Ban hành, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 71/2017 NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ; các văn bản hướng dẫn có liên quan và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty để tiện cho việc vận dụng điều hành;

2. Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế Công bố thông tin Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre phù hợp với Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ nước Cộng hòa xã Hội chủ nghĩa Việt Nam và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính;

3. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác.

4. Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban điều hành hoàn thiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua như sau:

- Tổng doanh thu: 162.200.000.000 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế: 35.317.000.000 đồng

Trong đó: + LNST năm 2017 chuyển sang là 2.800.000.000 đồng.

+ LNST kế hoạch năm 2018 là 32.517.000.000 đồng.

- Cổ tức: thấp nhất 7,5%/ vốn điều lệ

5. Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.

6. Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp tình hình.

7. Quản lý vận hành mạng lưới cấp nước, đảm bảo cung cấp nước liên tục 24/24 giờ với áp lực mạnh với chất lượng nước đảm bảo; thực hiện các giải pháp tăng sản lượng nước tiêu thụ, giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống 21% trong năm 2018.

8. Định hướng phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và cổ đông. Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

10. Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban Tổng giám đốc Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị tổng kết hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng, ủng hộ và gắn bó với công ty trong những năm vừa qua, đã góp phần quan trọng vào sự phát triển ngày càng lớn mạnh của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre. Kính chúc Quý vị cổ đông và Quý vị đại biểu nhiều sức khỏe và thành đạt, chúc cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thành công tốt đẹp

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tài liệu ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM CHÍ VŨ

Số: 04/BC-ĐHCĐ

Bến Tre, ngày 01 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO
Tình hình, kết quả hoạt động SXKD năm 2017,
Kế hoạch và giải pháp thực hiện năm 2018

ĐẶC ĐIỂM, NHIỆM VỤ

Năm 2017 là năm thứ hai sau cổ phần hóa, hoạt động của Công ty đi vào ổn định; trong hoạt động sản xuất nguồn nước không bị nhiễm mặn như năm 2016; giá nước mới được áp dụng ngay từ đầu năm; giá cả nguyên liệu đầu vào ít biến động dẫn đến ổn định về chi phí sản xuất và doanh thu; công suất các nhà máy nước hiện đáp ứng tốt cho mọi nhu cầu cấp nước của khách hàng.

A. Kết quả hoạt động SXKD năm 2017.

Tranh thủ những thuận lợi có được, tập thể viên chức quản lý và người lao động đã nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao, tập trung cho nhiệm vụ chính là cung cấp nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho người dân và khách hàng trên địa bàn Công ty đảm nhận, đã mang lại kết quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh khá tốt, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

1. Một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu.

- Sản lượng Nước ghi thu: 15.169.770m³/15.100.000m³. Đạt 100,46% so với kế hoạch năm, so với cùng kỳ tăng 3,70%;

- Tổng doanh thu: 159,184 tỷ / 153,00 tỷ đồng, Đạt 104,04% kế hoạch năm; tăng 32,37% so với cùng kỳ;

- Lợi nhuận sau thuế: 35,681 tỷ/27,168 tỷ đồng, đạt 131,33% kế hoạch năm; tăng 76,70 % so với cùng kỳ;

- Nộp ngân sách : 17,308 tỷ đồng; tăng 72,82% so với cùng kỳ;

- Tỷ lệ nước thất thoát: 21,71%/23%; giảm 1,29% so với kế hoạch; giảm 1,67% so với cùng kỳ;

- Phát triển khách hàng mới: 5.616/4.000 khách hàng, đạt 140,40% so với kế hoạch; so với cùng kỳ tăng 3,64%;

- Thay TLK: 6.386 cái/6.000 cái, đạt 106,43% so với kế hoạch, so với cùng kỳ tăng 66,56%.

- Tỷ lệ chia cổ tức: 7,5%/Vốn điều lệ.

(xem chi tiết số liệu ở bảng kèm theo)

2. Tình hình và kết quả triển khai các dự án đầu tư.

Tiếp tục thi công các hạng mục dở dang năm 2016 chuyển sang và triển khai thi công các hạng mục trong kế hoạch 2017: Thi công đập tạm ngăn nước mặn trên kênh Thuộc đạo; hạng mục cấp nước đợt 1/2016, đợt 2/2017 thành phố Bến Tre; hạng mục cấp nước đợt 1/2016 Chợ Lách; hạng mục cấp nước đợt 1/2017 Giồng Trôm; nạo vét, thông tắc và sửa chữa hệ thống thoát nước vốn phí bảo vệ môi trường; xây dựng Trạm bơm cấp 1 – cầu Ba Lai (mới) công suất 9.600m³/ngày; tuyến ống chuyển tải D200 Giồng Trôm L=4,5Km; cải tạo cụm xử lý 150m³/h NMN Lương Quới;... Lập hồ sơ thiết kế tuyến ống cấp nước D500 từ NMN Hữu Định về KCN Giao Long;

Tiếp nhận chuyển nhượng mạng phân phối thuộc 02 nhà máy nước Lương Hòa và Nhơn Thạnh theo quyết định của UBND tỉnh (tài sản nhận về gồm 8.460m ống có đường kính từ 42mm-114mm và 380 hộ khách hàng);

Dự án nhà máy nước An Hiệp công suất 15.000m³/ngày, dự án Hệ thống phân phối nước sạch hai huyện Mô Cày nam và Mô Cày Bắc: Hoàn chỉnh hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (hiện UBND tỉnh đã có quyết định phê duyệt).

3. Việc quản lý nợ phải thu, nợ phải trả.

Chấp hành đúng quy định về quản lý nợ, ban hành quy chế quản lý khoản ghi thu, theo dõi và đôn đốc các khoản nợ nhằm có biện pháp xử lý và thu hồi kịp thời không để tồn đọng.

Khả năng thanh toán nợ đến hạn: 1,52

Hệ số nợ phải trả /vốn chủ sở hữu: 0,68

4. Tình hình quản lý sử dụng và bảo toàn vốn góp của Nhà nước.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa là 280.000 triệu đồng, trong đó vốn nhà nước nắm giữ 179.200 triệu (64%), cổ đông bên ngoài và người lao động trong công ty nắm giữ 100.800 triệu (36%). Đến cuối năm 2017 vốn điều lệ và cơ cấu nguồn vốn không thay đổi.

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2017: Lợi nhuận sau thuế đạt 35,681 tỷ đồng (= 129,15% kế hoạch) Dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế đạt được như sau:

- Chia cổ tức (7,5%/ VĐL21.000,00 triệu đồng.
- Quỹ thưởng BQL chuyên trách :246,539 triệu đồng.
- Quỹ đầu tư phát triển :6.462,07 triệu đồng.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi :5.172,60 triệu đồng.
- + Quỹ khen thưởng (60%) :3.103,56 triệu đồng.
- + Quỹ phúc lợi (40%) :2.069,04 triệu đồng.
- Dự phòng lợi nhuận để lại cho năm sau :2.800,00 triệu đồng.

5. Thực hiện công tác chuyên môn và quản lý.

- Chấp hành đúng quy định về sổ sách kế toán, quản lý tài chính chặt chẽ, tiết kiệm; sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả, bảo toàn nguồn vốn; Tuân thủ chế độ báo cáo tài chính công khai, minh bạch đối với công ty đại chúng; Hạch toán, kê khai thuế đúng đủ và kịp thời;

- Xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm...làm cơ sở thực hiện; quản lý giá vật tư, lượng tồn kho hợp lý; Công tác triển khai thực hiện các hợp đồng kinh tế cũng được giám sát chặt chẽ;

- Chỉ đạo xây dựng, đưa ra lấy ý kiến và hoàn thiện một số dự thảo Quy chế phục vụ cho công tác quản lý của Công ty để trình HĐQT thông qua gồm: Quy chế làm việc của Công ty; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý; Quy chế tuyển dụng lao động, bố trí công việc, điều động và cho thôi việc đối với người lao động;

- Thành lập phòng Chống thất thoát nước và ban hành Quy chế hoạt động của phòng; Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch; ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, đã xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn và triển khai thực hiện;

- Xây dựng và ban hành mới Phương án khoán ghi thu và trả lương cho công tác ghi thu tiền nước; ban hành quy định về quản lý công tác ghi chỉ số đồng hồ, thu tiền sử dụng nước; công tác nhập, kiểm tra số liệu, in, phát hành và quản lý hóa đơn tiền nước;

- Sắp xếp nhân sự cho công tác ghi thu; Ứng dụng phần mềm quản lý hệ thống tài sản trực tuyến Citywork, triển khai chương trình quản lý khách hàng mới, ghi chỉ số nước bằng smartphone cho toàn công ty;

- Thực hiện các công việc, thủ tục liên quan đến việc triển khai áp dụng hóa đơn điện tử trong hoạt động kinh doanh nước sạch theo thông tư 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính (để áp dụng vào đầu năm 2018);

- Lãnh đạo triển khai thực hiện công tác chống thất thoát nước; thí điểm phân vùng tách mạng tại khu vực cũ lao Bình Dương, tiếp tục cập nhật sơ đồ quản lý mạng lưới cấp nước khu vực thành phố Bến Tre và thực hiện công tác dò tìm, kiểm tra, phối hợp trong quy trình chống thất thoát;

- Tham mưu trình UBND Tỉnh, Bộ Tài chính xử lý khoản nợ ngân sách khi cổ phần hóa công ty, đã được chỉ đạo theo hướng phát hành cổ phiếu (14,1tỷ đồng) và trả dần ngân sách nhà nước từ nguồn khấu hao hàng năm (20,922tỷ đồng) trong thời gian 7 năm, bắt đầu từ năm 2018;

6. Lãnh đạo thực hiện công tác đoàn thể, xã hội.

- Làm tốt trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội. Bằng nguồn quỹ phúc lợi và vận động đã thực hiện đóng góp cho hoạt động xã hội – từ thiện, đền ơn – đáp nghĩa được 177,09 triệu đồng (trong đó có ủng hộ xây dựng 02 nhà tình thương trị giá 60 triệu đồng; phụng dưỡng một Mẹ Việt Nam Anh hùng mức 12 triệu đồng/năm;

- Về thực hiện Quy chế dân chủ tại nơi làm việc theo Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 của Chính phủ, CĐCS đã phối hợp Công ty xây dựng lại Quy chế đối thoại định kỳ tại nơi làm việc, BCH Công đoàn, Ban đại diện người lao động tổ chức, tham dự 02 lần đối thoại định kỳ và tổ chức học tập tuyên truyền trong CNVC-LĐ nhằm nâng cao nhận thức về việc thực hiện Quy chế dân chủ, tạo điều kiện cho người lao động phát huy quyền làm chủ của mình, trong năm không có đơn thư khiếu nại, tố cáo;

- Tổ chức các hoạt động cho thiếu nhi nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6, Tết Trung thu; khen thưởng các cháu có thành tích đạt học sinh giỏi năm học 2016 – 2017 là con CNVC-LĐ; hoạt động kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10;

- Tổ chức Đại hội Công đoàn Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022; tổ chức cho 50% CNVC-LĐ đi du lịch Nha Trang theo Nghị quyết hội nghị người lao động; tổ chức cho cán bộ quản lý cấp trung đi tham quan nghỉ dưỡng 7 ngày tour Miền Bắc; tổ chức hội thao CNVC-LĐ nhân kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Công ty;

- Tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể hoạt động hiệu quả, các tổ chức đoàn thể qua một năm hoạt động đều được công nhận trong sạch vững mạnh;

B. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018:

Năm 2018 được nhận định có nhiều thuận lợi như: Thị trường ổn định, có tiềm năng phát triển từ địa bàn dân cư trong vùng phục vụ và nhất là từ việc kêu gọi đầu tư của tỉnh phát triển các doanh nghiệp sản xuất, chế biến trong Khu công nghiệp Giao Long; giá cả nguyên liệu đầu vào ít biến động dẫn đến sẽ ổn định về doanh thu và chi phí sản xuất; tình hình xâm nhập mặn chỉ bị ảnh hưởng nhẹ ở địa bàn thuộc Chi nhánh Giồng Trôm; công suất các nhà máy nước hiện đáp ứng tốt cho nhu cầu cấp nước sinh hoạt của khách hàng.

Bên cạnh đó Công ty cũng có một số khó khăn: Kế hoạch đầu tư phát triển và cải tạo mạng lưới cấp nước nhằm đáp ứng tốt cho nhu cầu sử dụng của khách hàng trong năm 2018 có kinh phí lớn. Việc vay vốn đầu tư sẽ phần nào làm gia tăng chi phí sản xuất kinh doanh.

Thấy được những thuận lợi, khó khăn Ban lãnh đạo điều hành Công ty sẽ tập trung lãnh đạo và tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

I. Hoạt động sản xuất kinh doanh.

1. Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu.

Sản lượng nước sản xuất 19.738.562 m³; sản lượng nước ghi thu 15.650.000 m³; Tổng doanh thu 162,2 tỷ đồng (trong đó doanh thu nước máy 160,2 tỷ, doanh thu khác 2 tỷ); Lợi nhuận trước thuế 36,926 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế 32,517 tỷ đồng (trong đó có lợi nhuận từ việc miễn thuế 3,0 tỷ đồng); Nộp ngân sách 100% theo quy định; Tỷ lệ nước thất thoát 21%; Gắn mới Thủy lượng kế 4.000 cái; Thay Thủy lượng kế đến hạn kiểm định 6.000 cái; Tiền lương bình quân KH 6.893.500 đồng/người/tháng. Tỷ lệ chia cổ tức năm 2018 tối thiểu là 7,5%/Vốn điều lệ.

(Chỉ tiêu này sẽ được điều chỉnh theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2018)

2. Công tác đầu tư.

Tiếp tục thi công các hạng mục dở dang năm 2017 chuyển sang và triển khai thi công các hạng mục đầu tư trong kế hoạch 2018 đã được HĐQT thông qua; Triển khai thi công các hạng mục thoát nước từ vốn phí BVMT được UBND tỉnh giao đảm bảo tiến độ và thời gian.

Phát triển mạng lưới phân phối, phát triển khách hàng mới trong phạm vi phục vụ của công ty nhằm tăng sản lượng, doanh thu theo kế hoạch; đầu tư cấp nước cho các xã điểm xây dựng nông thôn mới.

Tổng kinh phí kế hoạch: 113,284 tỷ đồng.

Nguồn vốn: vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp và vốn vay thương mại.

3. Thực hiện công tác chuyên môn và quản lý.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TU của Tỉnh ủy về thi đua "Đồng khởi mới", Chương trình Đồng khởi Khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp với tinh thần là năm tăng tốc; lãnh đạo Công ty khắc phục mọi khó khăn, thách thức để ổn định sản xuất kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế năm 2018 được giao và theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thông qua; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước; hoạt động SXKD đi đôi với bảo vệ môi trường; làm tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội; ổn định việc làm, đảm bảo thu nhập cho người lao động;

- Tăng cường công tác quản lý tài nguyên: Thực hiện tốt việc sử dụng, khai thác nguồn nước mặt tại các nhà máy nước Sơn Đông, Hữu Định, Chợ Lách, Lương Quới, An Hiệp đúng quy trình, quy định của nhà nước (xin phép, gia hạn giấy phép khai thác hoặc xin cấp lại các giấy phép đã hết hạn sử dụng). Thực hiện tốt các cam kết, quy định về đánh giá tác động môi trường, việc xả thải của các nhà máy nước mà Công ty đang quản lý, khai thác;

- Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; xây dựng kế hoạch cụ thể cho hoạt động phòng chống thất thoát nước năm 2018 và những năm tiếp theo. Lãnh đạo thực hiện có hiệu quả công tác chống thất thoát, tiến tới quản lý giảm thất thoát nước ổn định và bền vững;

- Thực hiện phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2017 để trả nợ ngân sách tỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Xây dựng, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý lãnh đạo Công ty và cán bộ cấp trung để dự nguồn cho những năm tiếp theo;

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và ban hành các quy chế phục vụ công tác quản lý còn thiếu, sửa đổi, bổ sung nội dung không còn phù hợp; Ban hành định mức khoán sử dụng nhiên liệu cho xe máy

- Phối hợp với Citywork từng bước hoàn thiện và khai thác có hiệu quả chương trình quản lý khách hàng, tài sản...đã chuyển giao; ổn định việc tách công tác ghi, thu riêng và thực hiện theo đúng định hướng; tiến tới triển khai bộ phận chăm sóc khách hàng;

- Tiếp tục triển khai việc tiếp nhận các nhà máy nước của Trung tâm Nước sạch & VSMT Nông thôn; tiếp tục khảo sát hiện trạng các vùng có nhu cầu cấp nước thuộc địa bàn Công ty đảm nhận để có phương án và thực hiện đầu tư phát triển. Làm việc với UBND xã Thành An và các bên liên quan về giá nước trong vùng dự án, cơ chế để giải quyết nguồn vốn đầu tư của dự án AMD giữa Công ty với địa phương;

- Tiếp tục tham gia với các ngành có liên quan trong triển khai thực hiện Đề án “ Xây dựng hạ tầng cung cấp nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt giai đoạn 2016 – 2020” , góp phần tăng tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch theo Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra;

- Đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống cấp nước bằng nguồn vốn huy động, vốn vay...chú trọng phát triển khách hàng mới;

- Thực hiện hoàn tất các thủ tục kết thúc hai dự án nhà máy nước An Hiệp giai đoạn 1, công suất 15.000m³/ngày và dự án hệ thống phân phối nước sạch hai huyện Mỏ Cày Bắc và Mỏ Cày Nam theo Quyết định đã được UBND tỉnh phê duyệt.

4. Một số công tác khác.

Phát động phong trào thi đua yêu nước; thi đua tăng năng suất lao động, phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để có thể chọn lựa áp dụng vào sản xuất, kinh doanh nhằm tiết kiệm nguồn lực của đơn vị. Hưởng ứng và tổ chức thực hiện tốt phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí do các cấp phát động.

Lãnh đạo thực hiện tốt “Quy chế dân chủ cơ sở” theo Nghị định số 60/2013/NĐ-CP của Chính phủ; phát huy vai trò làm chủ của người lao động; tích cực tham gia công tác xã hội - từ thiện, xây dựng nông thôn mới;

Quan tâm chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tạo điều kiện và bố trí công việc ổn định, hợp lý để nâng dần đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Lãnh đạo xây dựng hệ thống bộ máy quản lý, các đoàn thể đủ mạnh nhằm hoạt động có hiệu quả. Tạo điều kiện để viên chức quản lý và người lao động tham gia học tập đầy đủ các chủ trương, đường lối, chính sách, luật pháp của Đảng và Nhà

nước, khuyến khích việc tự học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ về chuyên môn, kỹ thuật...

Trong năm bằng nguồn quỹ phúc lợi và vận động các nguồn khác sẽ ủng hộ xây dựng 02 nhà Tình thương cho đối tượng chính sách có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở, tiếp tục phụng dưỡng 01 Mẹ VNAH ở xã Tường Đa, huyện Châu Thành (mức 12.000.000 đ/năm).

Duy trì việc tổ chức các hoạt động có tính phúc lợi cho người lao động; tổ chức cho 50% CNVC-LĐ đi tham quan, nghỉ dưỡng; tổ chức hội thao CNVC-LĐ năm 2018...

Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên CSHCM, Hội Cựu Chiến Binh hoạt động tốt nhất và đúng theo Điều lệ quy định của đoàn thể nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp để góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Công ty. Phấn đấu các đoàn thể trong năm đều đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh.

II. Biện pháp tổ chức thực hiện.

1. Giải pháp về quản lý sản xuất

Thực hiện đánh giá đúng về triển vọng phát triển ngành để đưa ra kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;

Duy trì công tác nội kiểm theo thông tư 50/2015/TT-BYT và thực hiện việc quản lý nước đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng của Bộ Y tế; Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật Tài nguyên nước;

Tăng cường các biện pháp kỹ thuật; từng bước đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin vào công tác giám sát, quản lý toàn hệ thống.

2. Giải pháp quản lý khách hàng, gia tăng sản lượng nước tiêu thụ.

Ưu tiên đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước vào các khu vực trọng điểm có nhu cầu tiêu thụ cao như các khu công nghiệp, cụm dân cư;

Thành lập bộ phận chăm sóc khách hàng; khai thác hiệu quả và nâng cấp chương trình quản lý khách hàng hiện có; thiết lập đường dây nóng tiếp nhận thông tin khách hàng nhằm từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng;

Cải tiến công tác ghi thu tiền nước, giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.

3. Giải pháp về nguồn nhân lực.

Tiếp tục củng cố, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành theo hướng gọn nhẹ, đảm bảo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, kỹ sư và chuyên viên giỏi có đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty đạt hiệu quả cao;

Chú trọng nâng cao năng lực cho người lao động và cán bộ quản lý trong Công ty. Xây dựng kế hoạch tổ chức các chương trình tập huấn, đào tạo về nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ và các kỹ năng khác.

4. Giải pháp tiết kiệm chi phí thông qua việc chống thất thoát nước.

Chống thất thoát nước là một trong những mục tiêu chủ yếu mà Công ty đặt ra trong kế hoạch phát triển hàng năm.

Sẽ thực hiện đồng bộ các giải pháp từ việc nâng cao năng lực quản lý, tăng cường về thể chế (phối hợp với sở GTVT và các sở ngành có liên quan, tăng cường công tác đào tạo dò tìm ống bể, đảm bảo chất lượng thi công, phát hiện và sửa chữa kịp thời,...) kết hợp với các giải pháp kỹ thuật (quản lý mạng lưới trên cơ sở ứng dụng GIS, phân vùng tách mạng...) ưu tiên về tài chính và quan tâm đến giải pháp quan hệ cộng đồng, vận động xã hội cùng tham gia chống thất thoát nước, bảo vệ nguồn nước, tiết kiệm nước,...

5. Giải pháp về tài chính.

Tập trung tích lũy vốn để có một tiềm lực về tài chính mạnh, đủ tầm vóc để thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng trong vùng phục vụ;

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, tối đa hóa công suất các công trình đầu tư.

Trên đây là báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và các giải pháp thực hiện. Tổng Giám đốc Công ty xin trân trọng báo cáo trước đại hội./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT.



Nguyễn Thị Diễm Phương

KẾT QUẢ SXKD NĂM 2017

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ % TH/NQ
1	Sản lượng nước sản xuất	m ³	19.738.562	19.376.383	98,16
2	Sản lượng nước ghi thu	m ³	15.100.000	15.169.770	100,46
3	Tổng doanh thu	tr.đ	153.000	159.184	104,04
4	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	33.960	40.732	119,94
5	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	27.168	35.681	131,33
6	Nộp ngân sách	tr.đ	100%	17.308	100,00
7	Tỷ lệ nước thất thoát	%	≤ 23,0	21,71	-1,29
8	Gắn mới TLK	cái	4.000	5.616	140,4
9	Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL	%	7,0	7,5	+0,5
10	Lợi nhuận còn lại	Tr.đ	-	2.800	

KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tăng trưởng
1	Sản lượng nước sản xuất	m ³	19.376.383	19.738.562	101,87
2	Sản lượng nước ghi thu	m ³	15.169.770	15.650.000	103,16
3	Doanh thu thuần	tr.đ	159.184	162.200	101,89
4	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	40.732	36.926	90,65
5	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	35.681	32.517	91,13
6	Nộp ngân sách	tr.đ	17.308	100% theo quy định	-
7	Tỷ lệ nước thất thoát	%	21,71	21,0	Giảm 0,71
8	Gắn mới TLK	cái	5.616	4.000	71,22
9	Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL	%	7,5	7,5	0
10	Lợi nhuận còn lại	Tr.đ	2.800	-	

Số: 06/BC-BKS

Bến Tre, ngày 01 tháng 6 năm 2018

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát
năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018.**

Kính thưa: Quý vị đại biểu và toàn thể Cổ đông.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội về kết quả thẩm tra báo cáo tài chính năm 2017 với các nội dung như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Cơ cấu tổ chức:

- Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó 01 thành viên là chuyên trách và 02 thành viên là kiêm nhiệm:

Ông Lê Văn Phong :	Trưởng BKS
Ông Nguyễn Đình Huân :	Thành viên BKS
Bà Ngô Thị Hồng Vân :	Thành viên BKS

- Trong năm 2017 Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã có sự thay đổi về nhân sự, theo công văn số 849/UBND-KT ngày 08/3/2017 của UBND tỉnh Bến Tre về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm tạm thời thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát, qua kết quả bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre ngày 25/4/2017, đại hội đã miễn nhiệm bà Trần Thị Hồng Phương và bầu bổ sung bà Ngô Thị Hồng Vân vào Ban Kiểm soát của Công ty.

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Hoạt động của Ban Kiểm soát thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty và các đơn vị thành viên.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, các cuộc họp giao ban điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật nhà nước, triển khai các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông đối với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- Phối hợp với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng các quy chế của Công ty để làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra các báo cáo thu chi và chứng từ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của Công ty; kiểm tra quá trình nhập xuất vật tư phục vụ cho các công trình cấp thoát nước cũng như cho hoạt động sản xuất kinh doanh; kiểm tra tình hình trích lập và sử dụng quỹ tiền lương của viên chức quản lý và người lao động trong Công ty.

- Kiểm tra báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt, nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.

- Phối hợp các phòng ban công ty kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

- Giữ mối liên lạc thường xuyên trong BKS, giữa BKS với HĐQT và Ban TGD.

II. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017:

1. Tình hình tài chính của Công ty:

- Báo cáo tài chính của công ty đã được kiểm tra, kiểm toán, lập và hạch toán đúng chế độ tài chính ban hành, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt nam, báo cáo lập kịp thời hàng quý, năm đảm bảo tính trung thực, hợp pháp.

- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt là đơn vị có đủ điều kiện để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của công ty.

- Số liệu về tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán độc lập kiểm tra xác nhận, Ban Kiểm soát thẩm tra và thống nhất số liệu cụ thể như sau:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
* Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	52.662.892.324	78.741.124.992
- Tiền và các khoản	110-BCĐKT	27.062.028.787	59.380.265.592
- Phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	14.796.876.891	15.497.854.267
- Hàng tồn kho	140-BCĐKT	6.865.017.724	3.842.231.676
- Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	3.938.968.922	20.773.457

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
* Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	482.263.980.930	445.999.863.139
- Tài sản cố định	220-BCĐKT	463.056.629.343	435.904.921.505
- Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	14.625.183.107	2.000.841.970
- Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	4.582.168.480	8.094.099.664
TỔNG TÀI SẢN	270-BCĐKT	534.926.873.254	524.740.988.131
* Nợ phải trả	300-BCĐKT	236.902.163.403	212.254.914.283
- Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	72.180.744.066	51.759.935.146
- Nợ dài hạn	330-BCĐKT	164.721.419.337	160.494.979.137
* Vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	298.024.709.851	312.486.073.848
- Vốn góp của CSH	411-BCĐKT	280.000.000.000	280.000.000.000
- Quỹ ĐTPT	418-BCĐKT	3.028.932.117	12.886.073.848
- Lợi nhuận chưa pp	421-BCĐKT	14.995.777.734	19.600.000.000
TỔNG NGUỒN VỐN	440-BCĐKT	534.926.873.254	524.740.988.131

2. Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

- Sau cổ phần, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty dần ổn định, một số chỉ tiêu về kết quả kinh doanh năm nay đều cao hơn năm trước.

- Các chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như doanh thu, lợi nhuận năm 2017 đều tăng so với năm trước, cụ thể doanh thu thuần đạt 157.694 triệu đồng, tăng so với năm trước 22,3%; lợi nhuận trước thuế đạt 40.732 triệu đồng, tăng 61,9%; lợi nhuận sau thuế đạt 35.681 triệu đồng, tăng 76,7%.

- Nguyên nhân do tăng giá nước theo quyết định số 45/2016/QĐ/UBND ngày 16/9/2016 của UBND tỉnh Bến tre về việc Quy định giá tiêu thụ nước sạch của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre, được áp dụng từ kỳ doanh thu tháng 11/2016; năm 2017 công ty đưa vào sử dụng dự án NMN An Hiệp và dự án cấp nước Mỏ Cày, cả hai dự án này đều thuộc lĩnh vực được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

- Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đã được giao tại văn bản số 1657/UBND-KT ngày 24/4/2017 của UBND tỉnh Bến Tre, qua đó sản lượng nước ghi thu năm 2017 được giao 15.100.000 m³, thực hiện năm 2017 là 15.169.770 m³, đạt 100,46 %.

- Chỉ tiêu tỉ lệ thất thoát nước được giao trong năm là 23%, đến thời điểm 31/12/2017 tỉ lệ thất thoát thực hiện là 21,71%, giảm 1,29% thất thoát so với kế hoạch giao.

- Chỉ tiêu doanh thu được giao cả năm là 153.000 triệu đồng, thực hiện năm 2017 là 159.184.058.066 triệu đồng, đạt 104,04 %.

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế được giao cả năm 33.960 triệu đồng, thực hiện năm 2017 là 40.732 triệu đồng, đạt 119,94 %.

- Về tình hình thực hiện quỹ tiền lương: Quỹ tiền lương của viên chức quản lý kế hoạch năm 2017 là 1.643 triệu đồng, thực hiện là 1.972 triệu đồng, đạt 120 %. Quỹ tiền lương của người lao động trong năm kế hoạch là 20.056 triệu đồng, thực hiện năm 2017 là 20.690 triệu đồng, đạt 103,16% quỹ lương kế hoạch.

Bảng báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty như sau:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017		So sánh
	Năm nay	Năm trước	%
Doanh thu thuần	157.694.679.456	128.920.336.970	122,32
Giá vốn	46.359.157.612	44.002.073.175	105,36
Lợi nhuận gộp	111.335.521.844	84.918.263.795	131,11
Doanh thu hoạt động tài chính	1.250.517.282	785.324.613	159,24
Chi phí tài chính	10.032.828.221	6.699.227.151	149,76
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>10.032.828.221</i>	<i>6.699.227.151</i>	<i>149,76</i>
Chi phí bán hàng	50.306.752.587	42.307.428.052	118,91
Chi phí QLDN	11.634.748.453	11.617.727.377	100,15
LN thuần từ kinh doanh	40.611.709.865	25.079.205.828	161,93
Lợi nhuận khác	120.373.435	66.779.813	180,25

Chỉ tiêu	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017		So sánh
	Năm nay	Năm trước	%
Tổng lợi nhuận trước thuế	40.732.083.300	25.145.985.641	161,98
Chi phí thuế TNDN	5.050.861.924	4.953.104.859	101,97
Lợi nhuận sau thuế TNDN	35.681.221.376	20.192.880.782	176,70

Một số các chỉ tiêu kế hoạch khác:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm	Thực hiện	% TH
Sản lượng nước máy ghi thu(m3)	15.100.000	15.169.770	100,46
Tỉ lệ thất thoát (%)	23,00	21,71	
Tổng doanh thu (đồng)	153.000.000.000	159.184.058.066	104,04
Tổng lợi nhuận trước thuế(đồng)	33.960.000.000	40.732.083.300	119,94
Tổng quỹ lương VCQL (đồng)	1.643.594.241	1.972.313.089	120,00
Tổng quỹ lương người lđ (đồng)	20.056.389.014	20.690.429.426	103,16
Lợi nhuận trước thuế/VCSH (%)		13,03	
Tổng nợ phải trả /VCSH (%)		67,92	

III. Về công tác quản trị và điều hành Công ty:

Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình, các nghị quyết của HĐQT được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và các quy định khác của Pháp luật.

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tập trung thảo luận về thực hiện các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông; thành phần cuộc họp có mời đầy đủ thành viên HĐQT, BKS; tài liệu họp được chuẩn bị chu đáo, đầy đủ.

Ban điều hành Công ty đã thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ các Nghị quyết của HĐQT, đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Ban điều hành duy trì thường xuyên họp giao ban tháng, thành phần dự họp đầy đủ, nội dung tập trung giải quyết kịp thời những khó khăn vướn mắc.

Một số công tác quản trị và điều hành của Công ty trong năm 2017 như sau:

- Trình Ủy Ban Nhân Dân tỉnh về phương án xử lý khoản phải nộp sau cổ phần hóa, triển khai thực hiện khoản còn phải nộp này theo công văn số 13281/BTC-TCDN ngày 04/10/2017 của Bộ Tài Chính và công văn số 5390/UBND-KT ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh Bến Tre.

- Dự án Nhà máy nước An Hiệp và dự án Hệ thống phân phối nước sạch huyện Mỏ Cày Nam và huyện Mỏ Cày Bắc: Công ty phối hợp với Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Chuẩn Việt kiểm toán các gói thầu còn lại của dự án và lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành để trình các cấp thẩm tra, phê duyệt.

- Đề xuất và phối hợp với Cục Thuế xem xét miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho Công ty qua việc đầu tư dự án Nhà máy nước An Hiệp và Hệ thống cung cấp nước sạch huyện Mỏ Cày Nam và huyện Mỏ Cày Bắc.

- Hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ để chuẩn bị trình Hội đồng Quản trị thông qua.

- Tiếp nhận và đấu nối hòa mạng nhà máy nước Nhơn Thạnh và nhà máy nước Lương Hòa của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn chuyên nhượng .

- Thành lập Phòng chống thất thoát nước, học tập kinh nghiệm chống thất thoát nước và dò tìm rò rỉ tại các Công ty bạn.

- Triển khai phần mềm chương trình quản lý khách hàng và hóa đơn tiền nước của Citywork, tổ chức thực hiện ghi chỉ số sử dụng nước bằng điện thoại.

- Trình thẩm định và phê duyệt quỹ tiền lương năm 2016, xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao cho quản lý Công ty và người lao động năm 2017.

- Báo cáo đánh giá xếp loại doanh nghiệp và đánh giá xếp loại người đại diện vốn Nhà nước, trình phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2016.

- Lập tờ trình Sở Tài Chính thẩm định kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và đã được văn bản của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh phê duyệt.

- Triển khai thi công đập trên kênh Thuộc Đạo để phục vụ cho công tác phòng chống mặn xâm nhập.

- Thành lập Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn, tăng cường quản lý chất lượng nước cung cấp.

IV. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018:

- Tham dự các cuộc họp giao ban của công ty, các cuộc họp của HĐQT;

- Giám sát các hoạt động của công ty trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, thực hiện Điều lệ của công ty;

- Kiểm tra việc chấp hành thực hiện các quy định, quy chế đã ban hành; phối hợp với các đoàn kiểm tra, kiểm toán khi có yêu cầu;

- Kiểm tra ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí, lưu trữ chứng từ;

- Kiểm tra giám sát công tác kiểm kê cuối năm;

- Kiểm tra báo cáo tài chính quý, năm 2018; tình hình sử dụng vốn và bảo toàn vốn của công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty, xin kính trình đến ĐHĐCĐ.

Thay mặt Ban kiểm soát xin kính chúc Quý vị đại biểu, Quý cổ đông luôn mạnh khỏe và có nhiều hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu tài liệu ĐHCĐ

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Văn Phong

Số: 06 /TTr-ĐHCD

Bến Tre, ngày 01 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH
Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt ngày 24/03/2018 như sau:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 (bản tóm tắt) được đính kèm Tài liệu đại hội.

- Toàn văn Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 được đăng tải tại website công ty: www.capnuocbentre.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tài liệu ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHẠM CHÍ VŨ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Năm 2017

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI NĂM
1	2	3	4
I	Tài sản ngắn hạn	52.662.892.324	78.741.124.992
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	27.062.028.787	59.380.265.592
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	14.796.876.891	15.497.854.267
3	Hàng tồn kho	6.865.017.724	3.842.231.676
4	Tài sản ngắn hạn khác	3.938.968.922	20.773.457
II	Tài sản dài hạn	482.263.980.930	445.999.863.139
1	Tài sản cố định	463.056.629.343	435.904.921.505
	+Tài sản cố định hữu hình	463.032.351.565	435.893.310.394
	+Tài sản cố định vô hình	24.277.778	11.611.111
2	Tài sản dở dang dài hạn	14.625.183.107	2.000.841.970
3	Tài sản dài hạn khác	4.582.168.480	8.094.099.664
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	534.926.873.254	524.740.988.131
III	Nợ phải trả	236.902.163.403	212.254.914.283
1	Nợ ngắn hạn	72.180.744.066	51.759.935.146
2	Nợ dài hạn	164.721.419.337	160.494.979.137
IV	Vốn chủ sở hữu	298.024.709.851	312.486.073.848
1	Vốn chủ sở hữu	298.024.709.851	312.486.073.848
	+Vốn góp của chủ sở hữu	280.000.000.000	280.000.000.000
	+Quỹ đầu tư phát triển	3.028.932.117	12.886.073.848
	+Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.995.777.734	19.600.000.000
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	534.926.873.254	524.740.988.131

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Từ 01/12/2015 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
1	2	3	4
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	128.924.014.171	157.694.679.456
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	3.677.201	-

3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	128.920.336.970	157.694.679.456
4	Giá vốn hàng bán	44.002.073.175	46.359.157.612
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.918.263.795	111.335.521.844
6	Doanh thu hoạt động tài chính	785.324.613	1.250.517.282
7	Chi phí tài chính	6.699.227.151	10.032.828.221
8	Chi phí bán hàng	42.307.428.052	50.306.752.587
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.617.727.377	11.634.748.453
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25.079.205.828	40.611.709.865
11	Thu nhập khác	66.781.372	238.861.328
12	Chi phí khác	1.559	118.487.893
13	Lợi nhuận khác	66.779.813	120.373.435
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.145.985.641	40.732.083.300
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.953.104.859	5.050.861.924
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.192.880.782	35.681.221.376
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	636	1.081
18	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	636	1.050

Bến Tre, ngày 01 tháng 06 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Chí Vũ

Số: 07 /TTr-ĐHCĐ

Bến Tre, ngày 01 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH
Phân phối lợi nhuận năm 2017 và
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

I. Báo cáo về tình hình phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức năm 2017:

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế	35.681.221.376
2	Phân phối lợi nhuận sau thuế	35.681.221.376
2.1	Quỹ thưởng Ban quản lý chuyên trách	246.539.136
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	6.462.074.883
2.3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.172.607.357
	+ Quỹ Khen thưởng (60%)	3.103.564.414
	+ Quỹ Phúc lợi (40%)	2.069.042.943
2.4	Lợi nhuận chia cổ tức	21.000.000.000
2.5	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau	2.800.000.000
3	Tỷ lệ lợi nhuận chia cổ tức/ Vốn điều lệ (%)	7,5

*** Việc thực hiện chia cổ tức cho cổ đông:**

- Ngày chốt danh sách chia cổ tức cho cổ đông: Trong Quý 3 năm 2018.
- Đối với cổ đông đã thực hiện đăng ký lưu ký qua Trung tâm lưu ký chứng khoán: Sẽ do Trung tâm lưu ký chứng khoán chuyển trả cổ tức vào tài khoản cá nhân đã mở.
- Đối với cổ đông chưa thực hiện đăng ký lưu ký: Công ty sẽ thực hiện chi trả dưới hai hình thức là chuyển khoản qua tài khoản của tổ chức/cá nhân cổ đông hoặc chi trả bằng tiền mặt.
- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ các thủ tục để chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định.

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức năm 2018:

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế	35.317.000.000
	Trong đó: + Lợi nhuận năm 2017 chuyển sang	2.800.000.000
	+ Lợi nhuận kế hoạch năm 2018	32.517.000.000
2	Phân phối lợi nhuận sau thuế	35.317.000.000
2.1	Quỹ thưởng Ban quản lý chuyên trách	149.000.000
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	5.466.000.000
2.3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.852.000.000
	+ <i>Quỹ Khen thưởng (60%)</i>	<i>2.911.200.000</i>
	+ <i>Quỹ Phúc lợi (40%)</i>	<i>1.940.800.000</i>
2.4	Lợi nhuận chia cổ tức	22.050.000.000
2.5	Lợi nhuận năm 2017 chuyển sang	2.800.000.000
3	Tỷ lệ lợi nhuận chia cổ tức/ Vốn điều lệ (%)	$\geq 7,5$


Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tài liệu ĐHCĐ

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM CHÍ VŨ

Số: 08 /TTr- HĐQT

Bến Tre, ngày 01 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

**Tiền lương, thưởng và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,
người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký và Thư ký
Năm 2017 và Kế hoạch năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre;

- Căn cứ vào Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

I. Chi trả tiền lương, thưởng, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Thư ký năm 2017:

1. Tiền lương và Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2017:

STT	Chức vụ	Số lượng (người/năm)	Tiền lương và Thù lao		Tổng cộng (đồng/năm)
			Tiền lương (đồng/ tháng)	Thù lao (đồng/ tháng)	
1	Người quản lý công ty chuyên trách	06	164.359.424		1.972.313.089
2	Thành viên HĐQT	02		10.800.000	129.600.000
3	Thành viên Ban kiểm soát	02		9.600.000	105.600.000
4	Thư ký	02		7.200.000	86.400.000

2. Tiền thưởng năm 2017:

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-ĐHĐCĐ đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 25/4/2017 và theo Tờ trình “Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2017” trình

ĐHĐCĐ thường niên năm 2018. Tổng tiền thưởng năm 2017 của người quản lý chuyên trách là 246.539.136 đồng.

II. Kế hoạch tiền lương, thưởng, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký năm 2018:

1. Tiền lương và Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký và Thư ký kế hoạch năm 2018:

STT	Chức vụ	Số lượng (người/ tháng)	Tiền lương và Thù lao		Tổng cộng (đồng/năm)
			Tiền lương (đồng/ tháng)	Thù lao (đồng/ tháng)	
1	Người quản lý công ty chuyên trách	06	149.001.833		1.788.022.000
2	Thành viên HĐQT	02		9.790.833	117.489.996
3	Thành viên Ban kiểm soát	02		8.703.000	104.436.000
4	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký và Thư ký	02		6.527.167	78.326.000

2. Tiền thưởng năm 2018:

Căn cứ theo Tờ trình “Phương án sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018” trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tài liệu ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM CHÍ VŨ

Số: *CJ* /TTr-ĐHCĐ

Bến Tre, ngày 01 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH
Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 4/12/2013 của Bộ Tài chính về việc kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

- Căn cứ Quyết định số 2361/QĐ-BTC ngày 14/11/2017 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận danh sách doanh nghiệp kiểm toán được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

Sau khi xem xét năng lực của các Công ty Kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách ba (03) Công ty Kiểm toán độc lập sau đây:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

Địa chỉ: số 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, Quận 5, TP.HCM.

Số ĐT: 028. 3859 2285 Fax: 028. 3859 2289

2. Công ty TNHH Kiểm toán Vaco

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà HUD, Số 159 Điện Biên Phủ, phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Số ĐT: 028.38406618 Fax: 028.3840 6616

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: Số 02, Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP. HCM

Số ĐT: 028.3547 2972 Fax: 028.3547 2970

Cả 03 Công ty kiểm toán trên đây đều có đủ năng lực và điều kiện phù hợp theo quy định. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn 01 trong 03 Công ty Kiểm toán trên để thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

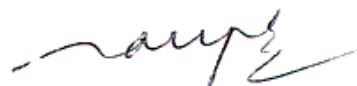
Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu tài liệu ĐHCĐ.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



LÊ VĂN PHONG

Số: 10 /TT-ĐHCĐ

Bến Tre, ngày 01 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các quy định hiện hành (chi tiết sửa đổi trong bản dự thảo đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tài liệu ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHẠM CHÍ VŨ

DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre- lần thứ hai

SỐ TT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 2016	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Căn cứ	Căn cứ: bổ sung Nghị định số 71/2017/NĐ-Cp ngày 6 tháng 6 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;	
2	Điều chỉnh một số thuật ngữ - Giám đốc - Cán bộ quản lý - Thành viên Ban kiểm soát	Được điều chỉnh - Tổng Giám đốc - Người Điều hành - Kiểm soát viên	Điều chỉnh cho thống nhất và phù hợp với Luật doanh nghiệp và hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC
3	CHƯƠNG I. QUI ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
4	Khoản c Điều 1 "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông góp và quy định tại Điều 5 điều lệ này;	Khoản c Điều 1 "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty và quy định tại Điều 5 điều lệ này;	Căn cứ khoản 29 Điều 4 Luật doanh nghiệp
5	Điểm e khoản 1 Điều 1	Điểm e khoản 1 Điều 1	Thông tư 95

	<p>“Cán bộ quản lý” là bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn: Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;</p>	<p>“Người điều hành Công ty” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</p>	
6	<p>Điểm g khoản 1 Điều 1</p> <p>“Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điểm g khoản 1 Điều 1</p> <p>“Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</p>	
7	<p>Điểm i khoản 1 Điều 1</p> <p>“Công ty con” là các Công ty do BEWACO góp vốn với trên 50% vốn điều lệ;</p>	<p>Bãi bỏ Điểm i khoản 1 Điều 1</p> <p>“ Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp từ năm (5%) phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành</p>	
8	<p>Khoản 7 Điều 2</p> <p>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn</p>	<p>Khoản 7 Điều 2</p> <p>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn</p>	
9	<p>Khoản 6 Điều 5</p> <p>Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ</p>	<p>Khoản 6 Điều 5</p> <p>Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ</p>	

	<p>trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó cho các đối tượng đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p>	<p>trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p>
10		<p>Bổ khoản 5 Điều 6</p>
11	<p>Khoản 4 Điều 9</p> <p>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Khoản 4 Điều 9</p> <p>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>

12	<p>Điểm a khoản 3 Điều 11</p> <p>Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 điều lệ này</p>	<p>Điểm a khoản 3 Điều 11</p> <p>Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 24 và Điều 35 điều lệ này</p>	
13	<p>Khoản 2 Điều 13</p> <p>Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p>	<p>Khoản 2 Điều 13</p> <p>Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	
14	<p>Điểm b khoản 3 Điều 13</p> <p>Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị giảm ít nhất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p>	<p>Điểm b khoản 3 Điều 13</p> <p>Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ</p>	<p>Hướng dẫn TT 95</p>
15	<p>Điểm c khoản 3 Điều 13:</p> <p>Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p>	<p>Điểm c khoản 3 Điều 13:</p> <p>Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên của HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định</p>	<p>Thông tư 95</p>

		trong Điều lệ;	
16	<p>Điểm d khoản 3 Điều 13:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, đồng liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của một cổ đông có liên quan;</p>	<p>Điểm d khoản 3 Điều 13:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p>	
17	<p>Điểm a khoản 4 Điều 13</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 điều này.</p>	<p>Điểm a khoản 4 Điều 13</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 điều này.</p>	TT95
18	<p>Điểm h khoản 2 Điều 14</p> <p>Loại và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần</p>	<p>Bổ sung Điểm h khoản 2 Điều 14</p> <p>Loại và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p>	
19	<p>Điểm n khoản 2 Điều 14</p> <p>Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã</p>	<p>Điểm n khoản 2 Điều 14</p> <p>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần</p>	

	bán của mỗi loại;	đã bán của mỗi loại;	
20	<p>Điểm b khoản 3 Điều 14</p> <p>Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khởp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc khỏp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điểm b khoản 3 Điều 14</p> <p>Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khởp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p>	
21	<p>Khoản 2 Điều 15</p> <p>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	<p>Khoản 2 Điều 15</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty phát hành và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy</p>	

		<p>quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	
22			
23		<p>Bổ sung Khoản 6 Điều 15</p> <p>6. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
24	<p>Khoản 1 Điều 16</p> <p>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần</p>	<p>Khoản 1 Điều 16</p> <p>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần</p>	

	phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua	phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua	
25	Khoản 1 Điều 17 Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này (ngoại trừ Đại hội cổ đông thành lập Công ty).	Khoản 1 Điều 17 Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.	
26	Khoản 2 Điều 17	Bổ sung tại khoản 2 Điều 17 các điểm: d. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp. e. Các công việc khác phục vụ đại hội	
27	Khoản 3 Điều 17 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.	Khoản 3 Điều 17 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.	Phù hợp với Công ty
28	Khoản 3 Điều 17: Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận	Khoản 3 Điều 17: Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng	

		<p>trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p>	
29	<p>Khoản 4 Điều 17:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	
30	<p>Khoản 5 Điều 17</p> <p>Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung</p>	<p>Khoản 5 Điều 17</p> <p>Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung</p>	

	<p>Điểm a, b: Đề xuất</p> <p>Điểm c khoản 4 Điều 17</p> <p>Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bản bạc và thông qua</p>	<p>Điểm a, b: Kiến nghị</p> <p>Điểm c khoản 4 Điều 17</p> <p>Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
31	<p>Khoản 7 Điều 17</p> <p>7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	<p>Khoản 7 Điều 17 được bãi bỏ</p>	
32	<p>Khoản 2 Điều 18</p> <p>Những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 35% cổ phần có quyền biểu quyết</p>	<p>Khoản 2 Điều 18</p> <p>Những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết</p>	
33	<p>Khoản 1 Điều 19</p> <p>Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	<p>Khoản 1 Điều 19</p> <p>Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	

34	<p>Khoản 4 Điều 19</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Khoản 4 Điều 19</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>
35	<p>Khoản 6 Điều 19</p> <p>Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 6 Điều 19</p> <p>Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p>
36	<p>Khoản 7 Điều 19</p> <p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết</p>	<p>Khoản 7 Điều 19</p> <p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo Quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p>

		<p>b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;</p>	
37	<p>Khoản 8 Điều 19</p> <p>Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết.</p>	<p>Khoản 8 Điều 19</p> <p>Chủ tọa của đại hội đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết.</p>	
38	<p>Điểm b khoản 1 Điều 20</p> <p>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</p>	<p>Điểm b khoản 1 Điều 20</p> <p>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán thông qua của Công ty</p>	
39	<p>Điểm a khoản 2 Điều 20</p> <p>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p>	<p>Điểm a khoản 2 Điều 20</p> <p>Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;</p> <p>- Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;</p>	
40	<p>Điểm a khoản 2 Điều 20</p> <p>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</p>	<p>Điểm a khoản 2 Điều 20</p> <p>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán thông qua của Công ty</p>	

41	<p>Điểm b khoản 2 Điều 20</p> <p>Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 điều này.</p>	<p>Điểm b khoản 2 Điều 20</p> <p>Nghị quyết về các nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 điều này.</p>
42	<p>Điều 20</p>	<p>Bổ sung khoản 4 Điều 20:</p> <p>- Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định</p> <p>Bổ sung khoản 5 Điều 20: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty</p>
43	<p>Điểm a khoản 3 Điều 21</p> <p>Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</p>	<p>Điểm a khoản 3 Điều 21</p> <p>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp</p>
44	<p>Điểm c khoản 3 Điều 21</p> <p>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông</p>	<p>Điểm c khoản 3 Điều 21</p> <p>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;</p>

	<p>là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</p>	<p>Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</p>
<p>45</p>	<p>Khoản 4 Điều 21</p> <p>- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu</p>	<p>Khoản 4 Điều 21</p> <p>- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>

46	<p>Khoản 5 Điều 21</p> <p>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty</p>	<p>Khoản 5 Điều 21</p> <p>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty</p>	
47	<p>Điểm g Điều 21</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực</p>	<p>Điểm g Điều 21</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực</p>	
48	<p>Khoản 8 Điều 21</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 8 Điều 21</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
49	<p>Điều 22</p>	<p>Bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 22</p> <p>Khoản 1: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thẻ ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p>	

<p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	
---	--

		<p>Khoản 2: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	
50	<p>Điều 22</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông "....." Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>khoản 3 Điều 22</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông "....." Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
51	<p>Khoản 1 Điều 23</p> <p>Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp qui định tại khoản 2, điều 24, điều lệ này.</p>	<p>Khoản 1 Điều 23</p> <p>Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp qui định tại điều 21, điều lệ này.</p>	
52	<p>Điều 24</p> <p>Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. 2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực 	<p>Hủy bỏ Điều 24</p>	

	<p>ngay cả khi trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như qui định.</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết theo quy định tại điều 23 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Toà án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>		
53	<p>CHƯƠNG V</p>	<p>CHƯƠNG V: Bổ sung Điều 24</p> <p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn;</p>	

	<p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ</p>
--	---

		<p>số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>
54	<p>Khoản 1 Điều 25</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong trường hợp Công ty đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng quy mô lớn hoặc trở thành công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (hoặc độc lập) được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>Khoản 1 Điều 25</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>
55	<p>Khoản 2 Điều 25</p>	<p>Bổ sung Điểm h và k khoản 2 Điều 25</p> <p>h. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị</p> <p>k. Các trường hợp khác theo quy định của pháp</p>

		luật và Điều lệ này	
56	<p>Điểm c khoản 3 Điều 26</p> <p>Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ</p>	<p>Điểm c khoản 3 Điều 26</p> <p>Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p>	
57	<p>Điểm d khoản 3 Điều 26</p> <p>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, bãi nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành, quyết định mức lương, thời hạn tuyển dụng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;</p>	<p>Điểm d khoản 3 Điều 26</p> <p>Bãi bỏ nội dung</p>	
58	Điểm đ	Điểm đ	
59		<p>Bổ sung điểm n và điểm O khoản 3 Điều 26</p> <p>n. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông</p> <p>O. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p>	
60	<p>Điểm b khoản 4 Điều 26</p> <p>Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty; Thành lập các công ty con của Công ty và góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p>	<p>Điểm b khoản 4 Điều 26</p> <p>Quy chế quản lý nội bộ của công ty; Thành lập các công ty con của Công ty và góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p>	

61	<p>Điểm i khoản 4 Điều 26</p> <p>Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p>	<p>Điểm i khoản 4 Điều 26</p> <p>Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần đã được chào bán trong mười hai (12) tháng</p>
62	<p>Điểm n khoản 4 Điều 26</p> <p>Quyết định giá bán cổ phần của công ty;</p>	<p>Điểm n khoản 4 Điều 26</p> <p>Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p>
63	<p>Khoản 1 Điều 27</p> <p>Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành của Công ty.</p>	<p>Khoản 1 Điều 27</p> <p>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch</p>
64	<p>Khoản 3 Điều 27</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Khoản 3 Điều 27</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>
65	<p>Điểm a khoản 3 Điều 28</p> <p>Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm</p>	<p>Điểm a khoản 3 Điều 28</p> <p>Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm</p>

	(05) cán bộ quản lý khác;	(05) người điều hành khác;	
66	Điểm b khoản 9 Điều 28 Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết	Điểm b khoản 9 Điều 28 Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết	
67	Điểm d khoản 9 Điều 28 Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 37 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Điểm d khoản 9 Điều 28 Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	
68	Khoản 9 Điều 28	Bổ sung điểm e Khoản 9 Điều 28 e. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.	
69	Khoản 14 Điều 28 Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi	Khoản 14 Điều 28 Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.	

	biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.	
70	Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý	<p>Điều 29. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiêu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiêu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này.</p>
71	Điều 30. Cán bộ quản lý	<p>Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01)</p>

người làm Người phụ trách quản trị công ty đề hồ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

		<p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp.</p>	
72	CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH	CHƯƠNG VI: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
73	Điều 29 Tổ chức bộ máy quản lý	Điều 31 Tổ chức bộ máy quản lý	
74	Điều 30 Cán bộ quản lý	Điều 32 Người điều hành Công ty	
75	Khoản 1 Điều 31 Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo	Khoản 1 Điều 33 Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo	

	cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.	tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.	
76	Điểm e khoản 5 Điều 31 Bãi bỏ nội dung	Điểm e khoản 5 Điều 33: thay thế nội dung Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;	
77	Điểm g khoản 5 Điều 31 Bãi bỏ nội dung	Điểm g khoản 5 Điều 33: thay thế nội dung Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;	
78	Điểm h khoản 5 Điều 31 Bãi bỏ nội dung	Điểm h khoản 5 Điều 33: thay thế nội dung Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị	

		thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;	
79	Điều 32	Điều 34	
80	Điều 33: bãi bỏ nội dung		
81	CHƯƠNG VII	CHƯƠNG VII Bổ sung Điều 35: Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	
82	Khoản 1 Điều 34 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo	Khoản 1 Điều 36 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính	

	tài chính của Công ty	của Công ty và đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liên tục trước đó. Thành viên Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.	
83	Khoản 5 Điều 34	<p>Khoản 5 Điều 36: Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Điều lệ này; b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Có đơn từ chức và được chấp thuận; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này. 	
84		<p>Điều 36: Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 	
85	Điều 35	<p>Điều 37 Bổ sung khoản 1 Điều 37 - Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông</p>	

	<p>phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; - Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông; - Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khác phục hậu quả; - Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
86	<p>Bổ sung khoản 2; 3; 4 Điều 37</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên</p>

	Hội đồng quản trị. 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. 4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	
87	NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC
88	Điều 36	Điều 38
89	Điều a,b khoản 4 Điều 37: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị:	Điều a,b khoản 4 Điều 39: a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được

	<p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>báo cáo tới Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	
90		<p>Bổ sung khoản 5 Điều 39:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p>	
91	<p>Điều 38</p>	<p>Điều 40</p>	
92	<p>Điều 39</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 34 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty</p>	<p>Điều 41</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 36 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty</p>	

93	CHƯƠNG X Điều 40	CHƯƠNG X Điều 42	
94	CHƯƠNG XI: MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CÔNG TY CON Hủy bỏ toàn nội dung	CHƯƠNG XI: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN Bổ sung Điều 43. Công nhân viên và công đoàn 1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp. 2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	
95	CHƯƠNG XII: CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	CHƯƠNG XII: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, KIỂM TOÁN, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	
96	Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 50	Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48	

97	<p>Khoản 3 Điều 48:</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>Khoản 3 Điều 46</p> <p>3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>
98	<p>Điều 49</p>	<p>Bổ sung khoản 5 Điều 47</p> <p>Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>
99	<p>CHƯƠNG XIII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</p>	<p>CHƯƠNG XIII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</p>
100	<p>Khoản 3 Điều 51</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Khoản 3 Điều 49</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p>
101	<p>Khoản 1 Điều 51</p> <p>Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm (bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất) theo quy</p>	<p>Khoản 1 Điều 49</p> <p>Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm (bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất) theo quy</p>

	định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này	định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này	
102	Điều 52	Điều 50	
103	CHƯƠNG XIV. TỜ CHỨC LẠI CÔNG TY – GIẢI THỂ	CHƯƠNG XIV. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	
104	Điểm c khoản 1 Điều 53	Điểm d khoản 1 Điều 51	
105		Bổ sung điểm c, khoản 1 điều 51 c. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;	
106	Điều 54	Điều 52	
107	Điểm b khoản 3 Điều 54 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;	Điểm b khoản 3 Điều 52 Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;	
108		Bổ sung Điều 53: Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.	

		2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.	
109	Điều 55	Điều 54	
110	Điểm b khoản 1 Điều 55 Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp;	Điểm b khoản 1 Điều 54 Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;	
111	Khoản 1 Điều 56 Công ty có 02 (hai) con dấu doanh nghiệp	Khoản 1 Điều 55 Công ty có 01 (một) con dấu doanh nghiệp	
112	Điều 57, Điều 58	Điều 56, Điều 57	

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**



**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ hai năm 2018)

Tháng 6 năm 2018

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH11 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-Cp ngày 6 tháng 6 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Các văn bản quy phạm Pháp luật khác có liên quan;

Điều lệ này được thông qua bởi cổ đông của Công ty theo Nghị quyết hợp lệ tại kỳ Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 01 tháng 6 năm 2018.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ:

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau :
 - a. "*Việt Nam*" là Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - b. "*Công ty*" là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
 - c. "*Vốn điều lệ*" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty và quy định tại Điều 5 điều lệ này;
 - d. "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - đ. "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - e. "Người điều hành Công ty" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - g. "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

h. “*Thời hạn hoạt động*” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

i. “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu trực tiếp từ năm (5%) phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành

k. “*Cổ đông chiến lược*” là các cổ đông đã ký Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược với BEWACO

l. “*Hội đồng quản trị*” viết tắt là HĐQT;

m. “*Ban kiểm soát*” viết tắt là BKS.

n. “*Đại hội đồng cổ đông*” viết tắt là ĐHĐCĐ.

2. Trong điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Đơn vị trực thuộc và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty

Tên tiếng việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE.**

Tên tiếng Anh: **BEN TRE WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY.**

Tên viết tắt: BEWACO

2. BEWACO là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Trụ sở chính: Số 103, Nguyễn Huệ, Phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Điện thoại: (075) 3835727

- Fax: (075) 3827781

Email: capnuocbentre@yahoo.com

-Website: capnuocbentre.vn

4. Logo của công ty BEWACO

5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: có 01 người đại diện theo pháp luật.

Chức danh : Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thông tin của người đại diện theo pháp luật của công ty:

Hội đồng quản trị đã thống nhất cử:

Ông: Phạm Chí Vũ Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/12/1958 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân số: 320628969

Ngày cấp: 20/4/2004 Nơi cấp: Công an Tỉnh Bến Tre

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 307/3, Trần Quốc Tuấn, P4, Thị Xã Bến Tre

Chỗ ở hiện tại: 414C, đường số 1, Khu tái định cư 225, Phường 7, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

Làm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của Công ty và là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này.

6. Công ty có thể thành lập đơn vị trực thuộc tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch	3600 (chính)
02	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai	4633
03	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng	4100
04	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai	1104

STT	Tên ngành	Mã ngành
05	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Thi công xây lắp Cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp.	4290
06	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí các sản phẩm dùng cho ngành nước và ngành xây dựng (không gia công cơ khí trong địa bàn nội ô thành phố Bến Tre)	2592
07	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước.	4669
08	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học Chi tiết: Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh	3313
09	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Thi công xây lắp chuyên ngành cấp thoát nước	4322
10	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Thoát nước bản, nạo vét và thông tắt cống rãnh. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.	3700
11	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế, dự toán, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước.	7110

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần.

1. Vốn điều lệ của Công ty: 280.000.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tỷ Việt Nam đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 28.000.000 cổ phần với mệnh giá là mười ngàn Việt Nam đồng (10.000 VND/cổ phần).

Trong đó:

+ Cổ phần phổ thông: 28.000.000 cổ phần (Hai mươi tám triệu cổ phần), trị giá: 280.000.000.000VND (Hai trăm tám mươi tỷ đồng).

+ Số cổ phần, loại cổ phần và giá trị cổ phần được quyền chào bán ra bên ngoài: 10.055.000 cổ phần phổ thông, trị giá 101.039.328.000 đồng (Một trăm lẻ một tỷ không trăm ba mươi chín triệu ba trăm hai mươi tám ngàn đồng).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Khi chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, công ty không có cổ đông sáng lập.

6. Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định.

Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người nắm giữ, tên mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức và các thông tin bắt buộc khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, cổ đông sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại theo đề nghị của cổ đông đó, cổ đông phải thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc cấp lại giấy chứng nhận cổ phiếu. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a. Nêu rõ lý do bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được thì phải đem trả cho Công ty để tiêu hủy.

b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Việt Nam đồng, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp giấy chứng nhận cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp giấy chứng nhận cổ phiếu mới.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy toàn bộ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán, quyền biểu quyết và các quyền phát sinh từ hoặc liên quan đến cổ phần đó.

3. Cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi theo cam kết được thực hiện theo quy định riêng đối với từng loại cổ phần ưu đãi.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần. Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh

toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi suất huy động 12 tháng của Ngân hàng Nhà nước qui định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc .

Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt trên 30 ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người

khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty.

CHƯƠNG IV

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 24 và Điều 35 điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại điều 114 và điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

Không được rút vốn ra khỏi Công ty trái quy định. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên hệ thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

4. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;
- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn:

a. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Tổ chức, cá nhân trở thành cổ đông lớn của Công ty phải báo cáo Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty được niêm yết trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn.

- Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

- Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

b. Báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn bao gồm các nội dung sau đây:

- Tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh đối với cổ đông lớn là tổ chức; Họ tên, tuổi, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp, số chứng minh nhân dân đối với cổ đông là cá nhân.

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phần do cổ đông sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phần đang lưu hành.

c. Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại điểm b trên đây hoặc có thay đổi về số lượng cổ phần vượt quá 01% số lượng cổ phần cùng loại đang lưu hành, thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày có sự thay đổi trên, cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty được niêm yết.

d. Quy định tại điểm a, điểm b và điểm c trên đây cũng áp dụng cho cổ đông có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

7. Cổ đông chiến lược còn có thêm các trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông chiến lược như quy định tại Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược được ký kết giữa Công ty và cổ đông chiến lược.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp đặc biệt theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký doanh nghiệp có thể gia hạn, nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. HĐQT phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ
- c. Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định **hoặc số thành viên của HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ;**
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. **Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;**
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc kiểm soát viên

còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp các cuộc họp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp các cuộc họp nêu trên thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền lợi gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không

cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;

đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;

e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, tổng số tiền thù lao hoặc tổng mức tiền lương của Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, tiền thù lao hoặc tiền lương của Ban kiểm soát;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Loại và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và **việc chuyển nhượng của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;**

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;

n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại ;

o. Thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

p. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

q. Các vấn đề khác theo quy định Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm m khoản 2 điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng hoặc giao dịch;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được **thực hiện thông qua giao dịch**

khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Đại diện theo ủy quyền.

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty phát hành và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung sau đây:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của chủ sở hữu, thành viên, cổ

đồng;

b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c. Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;

d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

e. Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền.

5. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền của luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

6. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ

số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây.

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

d. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

e. Các công việc khác phục vụ đại hội

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- d. Các trường hợp khác.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc

họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp **theo nguyên tắc đa số**. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, **Trường Ban kiểm soát** điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

6. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo Quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

a. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của điều lệ Công ty;
- Định hướng phát triển Công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán thông qua của Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính năm;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;
- Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán thông qua của Công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

b. Nghị quyết về các nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 điều này.

c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có 2 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không **phải là người điều hành Công ty**. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận

của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp qui định tại khoản 4, điều 20, điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG V HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị **không điều hành** phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị **không điều hành** được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e. Thành viên đó không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g. Thành viên đó còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty hoặc tuy còn là cổ đông nhưng tổ chức đó sở hữu ít hơn 5% cổ phần có quyền biểu quyết.

h. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

k. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các người điều hành khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; Thẩm định và trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ; Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

g. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

h. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

i. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;

l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

n. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông

o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Quy chế quản lý nội bộ của công ty; Thành lập các công ty con của Công ty và góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

c. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, ngoại trừ các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

ì. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần đã được chào bán trong mười hai (12) tháng ;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

l. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

m. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn với hình thức khác;

n. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

o. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền theo quyết định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật;

p. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị .

11. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

12. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao

gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì.

Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trên 50%. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở

những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thẻ:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.

Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.

Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của

tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

17. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp, thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết phải được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

18. Những người được mời dự thính: Thư ký Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Kiểm soát viên, những người quản lý khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo thư mời của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

19. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội

đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này.

Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

CHƯƠNG VI

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 32. Người điều hành Công ty

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và Quy chế quản lý của công ty. Người Điều hành Công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người Điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Giám đốc điều hành; ký hợp đồng (nếu tổng giám đốc thuê) trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc tổ chức, điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và thi hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nghĩa vụ và quyền hạn được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho các Phó tổng giám đốc thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình. Người được Tổng giám đốc ủy nhiệm, ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy nhiệm, ủy quyền lại cho người khác.

4. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty

5. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và các vấn đề không thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

b. Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của mình được quy định trong Quy chế Quản trị Công ty mà vấn đề đó không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại còn lại, trừ các hợp đồng được quy định phải thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị. Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Tổng giám đốc có quyền từ chối thực hiện những nghị quyết của Hội đồng quản trị nếu các nghị quyết này trái với pháp luật, trái với Điều lệ của Công ty và trái với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc từ chối này phải gửi cho Hội đồng quản trị bằng văn bản và phải nêu rõ lý do;

d. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua

đ. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

g. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty, hợp đồng lao động và quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

- Trình Hội đồng quản trị Kế hoạch đầu tư và các dự án hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước.

- Thực hiện phân công và ủy nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.

- Thực hiện chế độ báo cáo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo theo chương trình nghị sự mà Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát yêu cầu.

- Chậm nhất đến ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế và kế hoạch tài chính của Công ty.

- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

- Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Tổng giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.

- Được đưa ra những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như: Thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố, ...và phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.

- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật.

Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 34. Phó Tổng giám đốc

1. Phó tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc. Phó Tổng giám đốc được Tổng giám đốc phân công và ủy nhiệm hoặc ủy quyền điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm. Phó tổng giám đốc có thể kiêm nhiệm phụ trách các bộ phận hoặc đơn vị trực thuộc.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác của Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VII

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35: Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 36. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 thành viên. Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty và đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liên tục trước đó. Kiểm soát viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác của Công ty. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện cơ bản sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

- Không phải là vợ, chồng, cha ruột, cha nuôi, mẹ ruột, mẹ nuôi, con ruột, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác;

- Không được giữ các chức vụ quản lý của công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Điều lệ này;

- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165, Điều 166 và điều 168 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

- Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

- Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

- Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

- Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

- Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VIII
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN,
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị.

Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn **hai mươi phần trăm (20%)** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của **thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác** đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

Điều 40. Trách nhiệm và thiệt hại bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IX QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 36 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với

điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG X CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI

Điều 42. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam, các quy định, Điều lệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam, và Điều lệ của tổ chức đó.

3. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức trên hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của mỗi tổ chức.

CHƯƠNG XI CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, KIỂM TOÁN, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng mười hai (12). Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng mười hai (12) của năm 2016.

Điều 46. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 47. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Các kiểm toán viên của đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải có chứng chỉ hành nghề do Bộ tài chính cấp.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

5. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cổ tức sẽ được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp.

Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có

thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Nguyên tắc chịu lỗ: theo tỷ lệ cổ phần. Việc chia tỷ lệ chịu lỗ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm (bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất) theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XIV CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG- THANH LÝ

Điều 51. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 52. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

đ. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục a đến đ trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG XV GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp

trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế..

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XVI

HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 55. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

Con dấu công ty được thể hiện là hình tròn, mực sử dụng màu đỏ, bên trong trung tâm hình tròn là tên công ty, ngoài bia là loại hình doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp và địa chỉ công ty.

Công ty có 01 (một) con dấu doanh nghiệp.

Trước khi sử dụng, công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký mẫu con dấu của doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 57. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 16 Chương 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre nhất trí thông qua ngày tháng 4 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ được sửa đổi lần thứ nhất này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b. Một (01) bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- c. Tám (08) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc.

Bến Tre, ngày tháng 6 năm 2017

Chữ ký đại diện Cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre		
1. Ông: Phạm Chí Vũ	Đại diện vốn nhà nước	
2. Bà: Nguyễn Thị Diễm Phượng	Đại diện vốn nhà nước	
3. Ông: Phan Đình Tân	Đại diện Công ty TNHH Hoàn Cầu	
4. Ông: Dương Tiến Dũng	Đại diện Công ty cổ phần Cấp nước Thủy Anh	

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Số: 11 /TTr-ĐHCĐ

Bến Tre, ngày 01 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH
Thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH1 ngày 19/10/2015 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017;

- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre;

Để đảm bảo tính pháp lý cũng như đáp ứng các quy định mới được ban hành về Quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng. Nội dung của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được xây dựng trên cơ sở tham chiếu mẫu Quy chế nội bộ về quản trị tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC và nhu cầu thực tế, đặc thù trong tổ chức hoạt động, quản trị điều hành Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tài liệu ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM CHÍ VŨ

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

(Ban hành theo Nghị quyết số:../HĐQT ngày tháng 4 năm 2018)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và người điều hành khác của Công ty; Quy định về việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. Đồng thời, Quy chế này là cơ sở để đánh giá thực hiện quản trị tại Công ty.

1. Phạm vi điều chỉnh

- a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
- b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- d. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;
- e. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
- f. Thành lập và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ;
- g. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;
- h. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc;
- i. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
- j. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

2. Đối tượng áp dụng

- a. Cổ đông;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- c. Ban điều hành gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

- d. Các tiểu ban Hội đồng quản trị;
- e. Người điều hành khác của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Quản trị công ty*”: là hệ thống các nguyên tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và của những người có liên quan đến Công ty.

2. “Công ty hoặc Bewaco”: là Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

3. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.

4. “Cổ đông lớn”: là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm (5%) phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.

5. “HĐQT”: là Hội đồng quản trị Công ty.

6. “Ban điều hành”: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

7. “Người điều hành Công ty”: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

8. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán, cụ thể như sau :

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;

- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;

- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

9. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông lần đầu hoặc sửa đổi và bổ sung được Công ty thông qua ở từng thời điểm.

CHƯƠNG II TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu năm (05) ngày trước ngày chốt danh sách .

2. Lập xong danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại đại hội trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất ba mươi (30) ngày, thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu.

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số thẻ ủng hộ, phản đối hay số thẻ không có ý kiến gì, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu.

Ban kiểm phiếu được ĐHĐCĐ bầu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, Ban kiểm phiếu đếm số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung tổng hợp và báo cáo Kết quả cho Chủ tọa Đại hội.

Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu công bố sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

1. Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

2. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình. thông qua đều được xem là hợp lệ ngay cả khi Đại hội cổ đông không được triệu tập theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều lệ này hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương trình Đại hội.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1. Cổ đông có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Công ty.

2. Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.

3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

3. Dự thảo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký đọc thông qua tại đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 11. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

1. Nghị quyết và Biên bản phải được công bố trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải thực hiện việc công bố thông tin trên các phương tiện sau:

- a. Trang thông tin điện tử của Công ty;
- b. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c. Trang thông tin điện tử của sở GDCK;

2. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và Sở GDCK.

Điều 12. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

2. Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người điều khác của công ty; không được là người có liên quan của người điều hành, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Nếu Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử tối đa một (01) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Ứng viên trúng cử Hội đồng Quản trị phải đạt tỷ lệ phiếu bầu ít nhất 65% tổng số cổ phần của các cổ đông và người đại diện cổ đông dự họp tại Đại hội đồng cổ đông.

7. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.

8. Nếu bầu vòng thứ nhất mà không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị có tỷ lệ nhỏ hơn 65% thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu vòng thứ hai đối với những ứng viên còn lại cho tới khi đủ thành viên Hội đồng Quản trị hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

9. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

10. Khi kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e. Thành viên đó không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g. Thành viên đó còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty hoặc tuy còn là cổ đông nhưng tổ chức đó sở hữu ít hơn 5% cổ phần có quyền biểu quyết.

h. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

2. Các trường hợp thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 1 Điều này phải ngừng điều hành công việc kể từ khi:

a. Bị tòa án tuyên bố hoặc có bằng chứng chuyên môn tin cậy chứng minh là mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b. HĐQT ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các trường hợp quy định tại Điểm b, d Khoản 1 Điều này;

c. Đại hội đồng cổ đông ra quyết định bổ nhiệm;

d. Cổ đông là pháp nhân có văn bản đề nghị rút quyền đại diện gửi đến HĐQT;

e. Cổ đông là pháp nhân mà thành viên đó đại diện bị tuyên bố mất tư cách pháp nhân;

3. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi trên công thông tin điện tử Công ty và phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Thông báo họp Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Điều 18. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 19. Cách thức biểu quyết;

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Quy chế này;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Các thành viên có quyền lợi liên quan đến vấn đề được đưa ra cuộc họp của HĐQT để quyết định thì sẽ không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số thành viên có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

Điều 20. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền: trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 21. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- c. Thời gian, địa điểm họp.

d. Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do.

đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp

e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

g. Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, những thành viên phản đối và những thành viên bỏ phiếu trắng.

h. Các vấn đề đã được thông qua.

i. Chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

k. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

3. Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty trong thời hạn ít nhất là mười lăm (15) năm.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

Điều 22. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 23. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện cơ bản sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

- Không phải là vợ, chồng, cha ruột, cha nuôi, mẹ ruột, mẹ nuôi, con ruột, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác;

- Không được giữ các chức vụ quản lý của công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 24. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

1. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị

công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 25. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 thành viên. Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty và đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liên tục trước đó. Kiểm soát viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác của Công ty. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI
LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 28. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.

Yêu cầu trình độ:

- Có trình độ đại học hoặc tương đương trở lên đúng chuyên ngành.
- Sử dụng thông thạo vi tính trong quản lý văn phòng.

Yêu cầu về năng lực:

- Chủ trì nghiên cứu và tổ chức thực hiện các công việc được phân công.
- Xây dựng được các phương án, đề án, quy chế, thể lệ để quản lý hoặc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn do mình đảm nhận.
- Nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý thông tin, thống kê số liệu, lưu trữ, hồ sơ, chế độ báo cáo.
- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; đề xuất các phương án quản lý công việc chuyên môn phù hợp với tình hình, đặc điểm của Công ty.

Tiêu chuẩn khác:

- Hiểu biết về hệ thống pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty, chấp hành Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Nắm vững đường lối, chính sách của Nhà nước về các lĩnh vực có liên quan đến nhiệm vụ chuyên môn được giao;
- Nắm vững các kiến thức cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ; hiểu biết sâu về các nguyên tắc quản lý nghiệp vụ lĩnh vực mình đang đảm nhận;
- Nắm vững các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật và của Công ty.

Điều 29. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương của các chức danh: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương của các chức danh: Thư ký Công ty, các Giám đốc, Phó Giám đốc bộ phận chức năng, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc và các chức danh quản lý cấp cao khác trên cơ sở trình của Tổng Giám đốc.

Điều 30. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.

Khi làm việc tại BEWACO, người điều hành được ký hợp đồng lao động và được hưởng các chế độ của người lao động theo quy định của Pháp luật.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.

Người Điều hành Công ty bị bãi nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 32. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người Điều hành Doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật Chứng khoán.

CHƯƠNG VII
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 33. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Các cuộc họp có sự tham gia của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được tổ chức định kỳ, ít nhất mỗi quý một cuộc họp. Chủ tịch HĐQT tổ chức chương trình, nội dung họp và gửi thư mời cho Ban kiểm soát và Ban TGD.

Thông báo mời họp kèm tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp được gửi trước cho các thành viên ít nhất trước 3 ngày diễn ra cuộc họp. Về các quyết định được thông qua ban kiểm soát và Ban TGD được quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 34. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT và Nghị quyết cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.

Điều 35. Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của

Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

Điều 36. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.

Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì Ban kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Tổng giám đốc yêu cầu tổ chức họp Hội đồng quản trị khi cần xin ý kiến Hội đồng quản trị thông qua các chủ trương kinh doanh hoặc đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT.

Điều 37. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Định kỳ hàng quý Tổng giám đốc phải có báo cáo gửi Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó phân tích rõ từng kết quả hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh, và tỷ lệ đạt được so với kế hoạch mà ĐHCĐ cũng như HĐQT giao phó.

Điều 38. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

Hội đồng quản trị áp dụng cách thức tự phê bình và phê bình trong Công ty qua đó Tổng giám đốc tự nhận thấy ưu nhược điểm để ngày càng nâng cao công tác quản lý-Kiểm điểm theo nội dung, quá trình thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng quản trị phân công, tinh thần trách nhiệm, kết quả và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 39. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

– Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị.

– Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

– Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

– Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.

– Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 40. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS.

a. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS

– Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;

– Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

– Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định.

– Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định.

b. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối với HĐQT

– Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHCĐ;

– Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;

– Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHCĐ gần nhất;

– Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

– Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

– Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

2. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc.

a. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

b. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

c. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

d. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

3. Việc tiếp cận thông tin

a. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

- Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
- Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
- Báo cáo của Tổng giám đốc;
- Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Tài liệu khác liên quan.

4. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;

b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

c. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng Giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

d. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

5. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.

a. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;

b. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

c. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

d. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

e. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội

dung đó cần được quyết định;

f. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

g. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

CHƯƠNG VIII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Khen thưởng và kỷ luật

– Khen thưởng

Căn cứ vào Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính Phủ về Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28 /2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Công ty sẽ xác định số tiền khen thưởng thực tế xin ý kiến Chủ sở Hữu. Tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm HĐQT sẽ trình đại hội quyết định tiền thưởng cho thành viên HĐQT, BKS.

– Kỷ luật

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT xem xét tư cách thành viên của HĐQT, Ban điều hành và cán bộ quản lý cấp cao để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỷ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xem xét tư cách thành viên của Ban kiểm soát, để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỷ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm.

CHƯƠNG IX

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 42. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty.

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 43. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 44. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 45. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

Quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được công bố thông tin đến UBCKNN, SGDCK và cổ đông theo quy định của Pháp luật.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46: Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 10 chương, 46 Điều, được Đại hội cổ đông Công ty thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 01 tháng 6 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

1. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này
2. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm ký và công bố Quy chế này.
3. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2018

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Phạm Chí Vũ

Số: 12 /TTr-ĐHCD

Bến Tre, ngày 01 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH
Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Căn cứ Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BTC ngày 05/08/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre,
- Căn cứ Nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre,

Hội đồng Quản trị Công ty Cấp thoát nước Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2017 với nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHÍNH VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên công ty: **CTCP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. Tên viết tắt: **Bewaco**
3. Mã chứng khoán: **NBT**
4. Vốn điều lệ thực góp: **280.000.000.000 đồng**

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CHI TIẾT

1. Mục đích phát hành cổ phiếu:

Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2017

2. Phương án phát hành chi tiết:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 28.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 28.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.400.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 14.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017.
- Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu NBT có tên trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 5%, cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phần được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 100 quyền nhận thêm cổ phiếu thì được nhận thêm 5 cổ phiếu mới.
- Nguồn vốn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận tại Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017.
- Thời gian thực hiện: Trong quý II - III năm 2018, ngay sau khi UBCKNN thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2017.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức năm 2017 sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ được xử lý bằng cách hủy bỏ.
Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 102 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ quyền 100:5 (tương đương 5%), cổ đông A được nhận thêm 5,1 cổ phần mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A sẽ được nhận 5 cổ phần mới, phần cổ phiếu lẻ (0,1 cổ phiếu) sẽ được hủy bỏ.
- Điều khoản chuyển nhượng:
 - o Quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức không được phép chuyển nhượng.
 - o Cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trên bản điều lệ công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.

- Thông qua việc đăng kí giao dịch chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung trên sàn Upcom theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Ủy quyền

Sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định:

- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017.

- Thực hiện hồ sơ đăng ký giao dịch bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung chứng khoán tại sàn Upcom đối với số lượng cổ phiếu mới phát hành.

- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Sửa đổi điều khoản quy định mức vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo đúng mức vốn điều lệ tăng lên sau khi kết thúc đợt phát hành.

- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre.

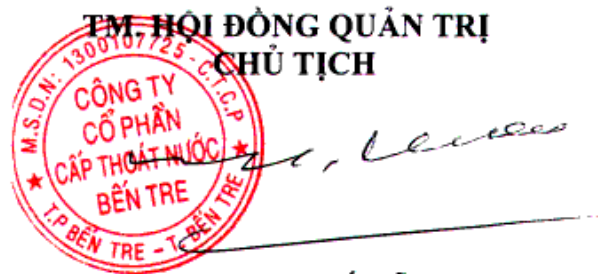
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tài liệu ĐHCĐ.



PHẠM CHÍ VŨ

MÃ BIỂU QUYẾT:

001

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Nội dung các Tờ trình

Nội dung	Biểu quyết		
	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017; Kế hoạch năm 2018.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Thông qua Tiền lương, thưởng và thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký và Thư ký năm 2017 và kế hoạch năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8. Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2017	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Lưu ý:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu X vào ô lựa chọn ()
- Trường hợp cổ đông thay đổi ý kiến thì khoanh tròn ô đã lựa chọn () và đánh dấu X vào ô lựa chọn mới ()
- Trường hợp cổ đông chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen ô khoanh tròn ấy ().
- Cổ đông chỉ được lựa chọn 1 phương án biểu quyết cho mỗi nội dung.

Bến Tre, ngày 01 tháng 6 năm 2018

CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bên Tre, ngày 01 tháng 6 năm 2018

PHIẾU ĐẶT CÂU HỎI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Tên cổ đông/ đại diện cổ đông:.....

Sở hữu/ đại diện sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần
Cấp thoát nước Bến Tre.

Ngoài các nội dung báo cáo và tờ trình của Đại hội đồng cổ đông thường niên
năm 2018 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã được đăng tải tại trang website
www.capnuocbentre.vn, tôi có ý kiến khác như sau:

- 1.....
.....
.....
.....
- 2.....
.....
.....
.....
- 3.....
.....
.....
.....

Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên)